

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST

Ngày 10-3-2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Quỳnh Nga.

2. Ông Lê Văn Công.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hoài T, sinh năm: 1991 (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 9, khu phố 7, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Nguyễn Duy C, sinh năm 1986 (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 9, khu phố 7, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Trần Thị Hoài T trình bày: Bà T và ông C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 05/01/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại thành phố Hà Nội, đến đầu năm 2022 để thuận tiện cho công việc vợ chồng đã chuyển vào sinh sống tại thành phố Bà Rịa. Trong quá trình sống chung vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách khác nhau, không cùng quan điểm sống dẫn đến không tìm được tiếng nói chung, không có sự tôn trọng yêu thương nhau. Từ tháng 10/2022 cho đến nay vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Có 01 người con chung là cháu Nguyễn Trần Bảo N, sinh

ngày 02/3/2018, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
Do ở xa đi lại khó khăn và không sắp xếp được công việc nên bà T xin được vắng mặt trong quá trình xét xử.

Theo bản tự khai bị đơn ông Nguyễn Duy C trình bày: Ông C và bà Trần Thị Hoài T tìm hiểu nhau được một thời gian thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn ngày 05/01/2018 tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc theo giấy chứng nhận kết hôn số 154. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không có sự tôn trọng yêu thương nhau. Vợ chồng ly thân từ năm 2022 cho đến nay, ông C và bà T đã cố gắng nói chuyện và hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Ông C thấy hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung là Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 02/3/2018. Ông C đồng ý giao con chung cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng đến 18 tuổi, ông C không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc không thể tham gia các buổi làm việc theo yêu cầu của Tòa án nên ông C đề nghị giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T. Về con chung giao cháu Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 02/3/2018 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung bà T, ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện bà T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với ông C được xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà T và ông C vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà T về việc xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con đối với ông C, thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông C tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc cấp giấy chứng nhận kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà T và ông C thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, theo bà T và ông C nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự giải quyết mâu thuẫn nhưng bà T và ông C cho rằng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn. Xét thấy, bà T và ông C đã có một thời gian sống ly thân nhưng không hàn gắn được cho thấy mâu thuẫn là có thật, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông C.

[3.2] Về con chung: Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng bà T và ông C thỏa thuận giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hoài T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với ông Nguyễn Duy C.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Hoài T được ly hôn với ông Nguyễn Duy C.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 02/3/2018, cho bà Trần Thị Hoài T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà T không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà T và ông C đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Hoài T phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005076 ngày 17/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà T đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- CCTHA dân sự thành phố Bà Rịa;
- UBND xã Tuân Chính, H.Vĩnh Tường, T.Vĩnh Phúc;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Hoài Nam